

31058 593/160

Mẫu nhãn hộp viên nang cứng KUPLINKO

Kích thước: 10x7x11(cm)

Tỉ lệ: 75%

PT 472C 2XC

PT 165

PT 426C

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 22/02/2018

Rx

KUPLINKO

Viên nang cứng
Lincomycin HCl tương đương Lincomycin 500 mg
120 Viên nang cứng (10 Vĩ x 10 Viên)

THUỐC KÊ ĐƠN



"ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG"
"ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM"

QUỐC SẢN XUẤT TẠI
KOREA UNITED PHARM. INT'L JSC
THUAN AN, BINH DUONG, VIET NAM

Số lô SX/ Lot No.
Ngày SX/ Mfg. Date
Hạn dùng/ Exp. Date
Số ĐK/ Reg. No.

KUPLINKO Viên nang cứng
Lincomycin HCl tương đương Lincomycin 500 mg

(THÀNH PHẦN) Mỗi viên nang cứng chứa
Lincomycin Hydrochloride (HCl) 567.06 mg
(tương đương Lincomycin 500 mg)
(MÔ TẢ)

Viên nang cứng số 02 có nắp nang màu trắng và thân nang
màu xanh nhạt bên trong chứa bột kết tinh màu trắng.
CHỈ ĐỊNH, LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG,
CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG PHỤ
Xin đọc kỹ hướng dẫn sử dụng.

(TIÊU CHUẨN) USP 39
(BẢO QUẢN)
12 Viên nang cứng/ Vĩ x 10 Vĩ Hộp

Để biết thêm thông tin, xin đọc
tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

Được sản xuất tại:
KOREA UNITED PHARM. INT'L JSC
Số 26 Đường 15/04, Khu Vực Mới-Support, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.

PRESCRIPTION DRUG



Rx

KUPLINKO Hard Caps.
Lincomycin HCl as Lincomycin 500 mg
120 Hard Caps. (10 Blisters x 10 Caps.)

Lincomycin HCl as Lincomycin 500 mg

"READ INSERT-PAPER CAREFULLY BEFORE USING"
"KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN"

MANUFACTURED BY
KOREA UNITED PHARM. INT'L JSC
THUAN AN, BINH DUONG, VIETNAM

KUPLINKO Hard Caps.
Lincomycin HCl as Lincomycin 500 mg

(COMPOSITION) Each hard capsules contains:
Lincomycin Hydrochloride (HCl) 567.06 mg
(As Lincomycin 500 mg)

(DESCRIPTION)
Hard capsule: size 02 with blue colored cap and light blue
colored body is filled with white crystalline powder.

(INDICATIONS, DOSAGE & ADMINISTRATION,
CONTRAINDICATIONS, SIDE EFFECTS)
Refer prescribing information enclosed.

(SPECIFICATION) USP 39
(STORAGE)
Store at room temperature not exceeding 30°C.

(PACKAGE)
12 Hard capsules/ Blister x 10 Blisters/ Box

For full prescribing information,
please see an enclosed leaflet.

Manufactured by
KOREA UNITED PHARM. INT'L JSC
Số 26 Đường 15/04, Khu Vực Mới-Support, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.

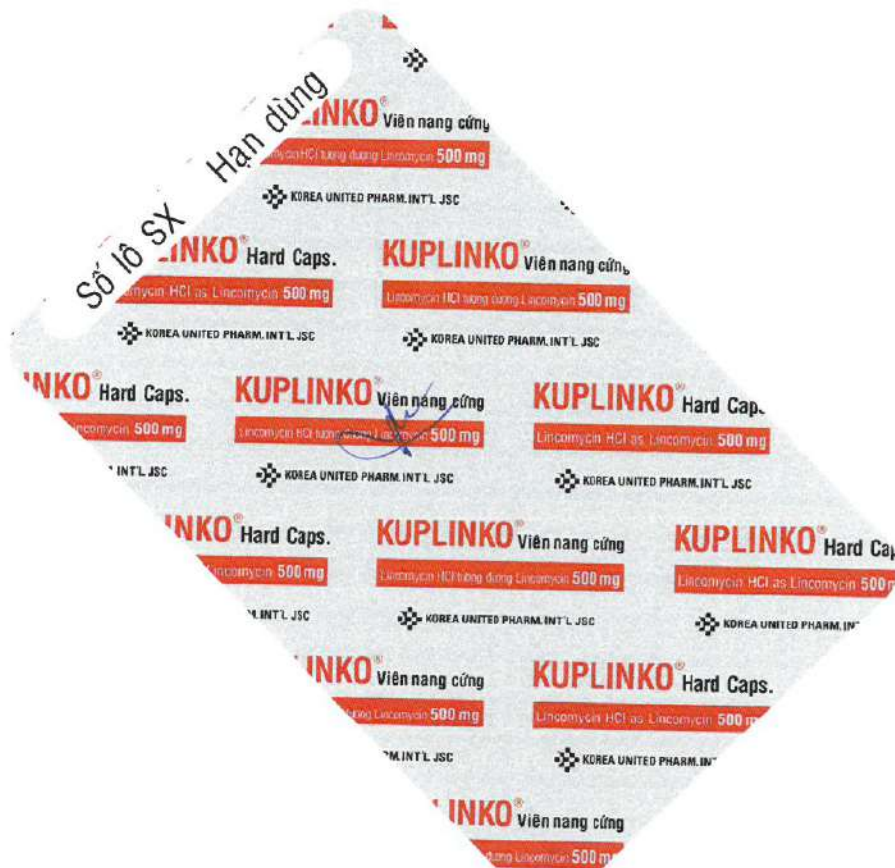


Koon, Young Sam
Deputy General Director

Mẫu nhãn vỉ viên nang cứng KUPLINKO

 PT 165 2XC
 PT 426C

Số lô, hạn dùng được in nổi trên vỉ



Kevin Young Sam
Deputy General Director

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

Thuốc này chỉ được dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.

KUPLINKO - Viên nang cứng

Lincomycin hydroclorid tương đương 500 mg Lincomycin



THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang cứng chứa:

Lincomycin hydroclorid.H₂O 567,06 mg

(Tương đương Lincomycin 500 mg)

Tá dược: Lactose monohydrat, Magnesi stearat.

MÔ TẢ

Viên nang cứng số 00, có nắp nang màu xanh dương và thân nang màu xanh dương nhạt, chứa bột kết tinh màu trắng.

DƯỢC LỰC HỌC

Lincomycin là kháng sinh thuộc Lincosamid thu được do nuôi cấy *Streptomyces lincolnensis*, các loài *Lincolnensis* khác hay bằng một phương pháp khác. Lincomycin có cấu trúc tương tự Clindamycin, tác dụng chống vi khuẩn như Clindamycin, nhưng kém hiệu lực hơn. Thuốc chủ yếu kìm khuẩn ưa khí Gram dương và có phổ kháng khuẩn rộng đối với vi khuẩn kỵ khí.

Cơ chế tác dụng: Lincomycin, cũng như các Lincosamid khác gắn vào tiểu thể 50S của ribosom vi khuẩn giống các Macrolid như Erythromycin và cản trở giai đoạn đầu của tổng hợp protein. Tác dụng chủ yếu của Lincomycin là kìm khuẩn, tuy vậy ở nồng độ cao có thể diệt khuẩn từ từ đối với các chủng nhạy cảm.

Phổ kháng khuẩn: Thuốc có tác dụng đối với nhiều vi khuẩn ưa khí Gram dương bao gồm các *Staphylococcus*, *Streptococcus*, *Pneumococcus*, *Bacillus animasis*, *Corynebacterium dipinneriae*. Tuy nhiên, không có tác dụng với *Enterococcus*.

Phần lớn các vi khuẩn ưa khí Gram âm, như *Enterobacteriaceae* kháng Lincomycin; khác với Erythromycin, *Neisseria gornorrhoeae*, *N.meningitidis* và *Haemophilus influenza* thường kháng Lincomycin.

Lincomycin có phổ tác dụng rộng đối với các vi khuẩn kỵ khí. Các vi khuẩn kỵ khí Gram dương nhạy cảm bao gồm *Eubacterium*, *Propionibacterium*, *Peptococcus*, *Peptostreptococcus* và nhiều chủng *Clostridium perfringens* và *Clostridium tetani*.

Với liều cao, Lincomycin có tác dụng đối với các vi khuẩn kỵ khí Gram âm, trong đó có *Bacteroides* spp. Thuốc cũng có một vài tác dụng đối với sinh vật đơn bào, nên đã được dùng thử trong điều trị bệnh viêm phổi do *Pneumocystis carinii* và bệnh nhiễm *Toxoplasma*. Nồng độ tối thiểu ức chế của Lincomycin đối với các chủng vi khuẩn nhạy cảm nhất nằm trong khoảng từ 0,05 – 2 microgam/ml.

Kháng thuốc: Phần lớn vi khuẩn ưa khí Gram âm, như *Enterobacteriaceae* có bản chất kháng Lincomycin, nhưng một số chủng khác, lúc thường nhạy cảm cũng có thể trở thành kháng thuốc. Cơ chế kháng thuốc, giống như đối với Erythromycin, gồm có sự methyl hóa vị trí gắn trên ribosom, sự đột biến nhiễm sắc thể của protein của ribosom và trong một số ít phân lập tụ cầu, sự mất hoạt tính enzym do Adenyltransferase qua trung gian plasmid. Sự methyl hóa ribosom dẫn đến hiện tượng kháng chéo giữa Lincomycin và Clindamycin. Đôi khi có sự kháng chéo một phần với kháng sinh nhóm Macrolid (Erythromycin). Hiện tượng này có thể là do có sự tranh chấp giữa Erythromycin và Lincomycin đối với vị trí gắn ribosom.

ĐƯỢC ĐỘNG HỌC

Uống một liều 500 mg Lincomycin, khoảng 20 đến 30% liều được hấp thu qua đường tiêu hoá và đạt được nồng độ đỉnh huyết tương từ 2 - 3 microgam/ ml trong vòng 2 đến 4 giờ. Thức ăn làm giảm mạnh tốc độ và mức độ hấp thu.

Nửa đời huyết tương của Lincomycin khoảng 5 giờ ở người có chức năng thận bình thường, nhưng có thể tăng lên gấp đôi ở người suy gan và kéo dài tới 3 lần ở người suy thận nặng. Lincomycin được phân bố vào các mô, bao gồm cả mô xương và thể dịch. Thuốc ít vào dịch não tủy nên không dùng trong điều trị viêm màng não. Thuốc khuếch tán qua nhau thai và phân bố vào sữa mẹ với nồng độ 0,5 – 2,4 microgam/ ml.

Lincomycin không loại được bằng thẩm phân máu hoặc phúc mạc. Lincomycin bị bất hoạt một phần ở gan và được bài xuất qua nước tiểu và phân, dưới dạng không biến đổi và dạng chuyển hoá.

CHỈ ĐỊNH

Nhiễm khuẩn nặng do các vi khuẩn nhạy cảm, đặc biệt *Staphylococcus*, *Streptococcus*, *Pneumococcus* ở người bệnh có dị ứng với penicilin như áp xe gan; nhiễm khuẩn xương do *Staphylococcus*; nhiễm khuẩn phụ khoa như nhiễm khuẩn ở âm đạo, viêm màng trong tử cung, viêm vùng chậu; viêm màng bụng thứ phát; áp xe phổi; nhiễm khuẩn huyết; mụn nhọt biến chứng và loét do nhiễm khuẩn kỵ khí.

Nhiễm khuẩn do các khuẩn kháng penicilin.

Nhiễm khuẩn ở các vị trí thuốc khác khó tới như viêm cột tủy cấp tính và mạn tính, các nhiễm khuẩn do *Bacteroides* spp.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Uống xa bữa ăn, ít nhất 1 giờ trước khi ăn.

Người lớn: 500 mg/ lần, ngày 3 lần (500 mg uống cách nhau 8 giờ).

Trẻ em trên 12 tuổi (> 30 kg thể trọng): 500 mg/ lần, ngày 2 - 3 lần.

Trong trường hợp nhiễm trùng do tụ cầu gây tán huyết β nên tiếp tục điều trị thêm ít nhất 10 ngày để hạn chế khả năng có thể xảy ra sốt do thấp khớp hoặc viêm tiểu cầu thận.

Với người suy thận nặng, liều dùng thích hợp bằng 25 - 30% liều bình thường.

CẢNH BÁO

Dùng Lincomycin trong trường hợp viêm kết tràng nặng có thể dẫn đến tử vong. Chỉ nên dùng trong trường hợp nhiễm trùng nặng khi các kháng sinh khác ít độc hơn không còn tác dụng.

Không dùng cho bệnh nhân bị nhiễm trùng không do vi khuẩn như nhiễm trùng đường hô hấp trên.

Lượng Lincomycin khuếch tán vào trong dịch não tủy có thể không đủ để điều trị viêm màng não.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân mẫn cảm với Lincomycin hoặc Clindamycin.

Bệnh nhân viêm kết tràng.

THẬN TRỌNG

Bệnh nhân cao tuổi.

Bệnh nhân có tiền sử viêm kết tràng.

Bệnh nhân có tiền sử rối loạn chức năng gan.

Bệnh nhân có tiền sử suy thận.

Bệnh nhân có tiền sử bệnh suyễn hoặc dị ứng nặng.

Bệnh nhân có tiền sử nhiễm khuẩn do monilial (*candida*) cần điều trị với thuốc, phải dùng đồng thời với thuốc kháng monilial.

Bệnh nhân rối loạn vận động thực quản.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Sốc: Hiếm khi xảy ra, vì vậy nên theo dõi cẩn thận. Nếu có bất kỳ triệu chứng nào xảy ra như chóng xanh tím, khó thở, hạ huyết áp, phải ngưng dùng thuốc và/hoặc có liệu pháp điều trị thích hợp.

Phản ứng quá mẫn: Phát ban ở da, phù nề loạn thần kinh mạch, bệnh huyết thanh và quá mẫn đã được ghi nhận. Nếu có phản ứng dị ứng với **KUPLINKO**, phải ngưng dùng thuốc. Nếu xảy ra mẫn cảm cấp tính phải điều trị bằng Epinephrin và các biện pháp cấp cứu khác kể cả oxy, truyền dịch, tiêm tĩnh mạch thuốc kháng Histamin, Corticosteroid, Amin làm tăng áp lực máu, và thông khí.

Da và màng nhầy: Ngứa, hiếm khi bị ban đỏ đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson kết hợp với nổi mảy đay và viêm âm đạo, hiếm khi bị tróc (da) và viêm da.

Máu: Giảm bạch cầu trung tính, giảm bạch cầu, mất bạch cầu hạt, ban xuất huyết do giảm tiêu cầu. Hiếm khi xảy ra thiếu máu bất sản và giảm toàn thể huyết cầu, trong trường hợp này không thể loại trừ nguyên nhân gây bệnh.

Dạ dày ruột: Viêm lưỡi, viêm miệng, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, viêm kết tràng liên quan đến kháng sinh.

Gan: Mặc dù mối liên hệ giữa **KUPLINKO** và những bất thường ở gan chưa được thiết lập nhưng chứng vàng da và những bất thường về chức năng gan trong xét nghiệm phải được theo dõi (đặc biệt là sự gia tăng của men transaminase huyết thanh).

Thận: Mặc dù chưa xác định mối liên hệ trực tiếp giữa Lincomycin và suy thận, nhưng hiếm khi có những biểu hiện suy thận như nitơ-huyết, giảm niệu và protein niệu.

Giác quan đặc biệt: Đôi khi ù tai và chóng mặt.

Tác động ngoại ý khác: Đôi khi phù ở mắt, hiếm khi bị khó chịu và sốt.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

THẬN TRỌNG CHUNG

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy những bệnh nhân cao tuổi mắc nhiều bệnh nặng rất dễ bị tiêu chảy. Do đó khi dùng **KUPLINKO** (Lincomycin hydroclorid) ở những bệnh nhân này cần theo dõi cẩn thận sự thay đổi tần số nhu động ở ruột.

Viêm kết tràng màng giả nhẹ thường hết khi ngừng dùng thuốc. Trong trường hợp vừa đến nặng cần phải bổ sung dịch, chất điện giải, protein và điều trị bằng thuốc kháng khuẩn có tác dụng lâm sàng trên viêm kết tràng màng giả do *Clostridium difficile*.

Nghiên cứu cho thấy, độc tố của *Clostridium difficile* là một trong những nguyên nhân chính gây “viêm kết tràng liên quan đến kháng sinh”. Ở người lớn nên dùng liều từ 500 mg - 2 g chia thành 3 đến 4 lần/ ngày, dùng trong 7 - 10 ngày.

Thuốc có thể gây tăng sinh quá mức các chủng vi sinh vật không nhạy cảm với thuốc, đặc biệt là nấm men.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Lincomycin có đặc tính ức chế thần kinh cơ nên có thể làm tăng hoạt tính của các thuốc chẹn thần kinh cơ (như Colistin, Streptomycin, Dehydrostreptomycin, Neomycin, Polymyxin B, Kanamycin, Viomycin). Phải thận trọng khi dùng Lincomycin chung với những thuốc này.

Lincomycin có tác dụng đối kháng với Erythromycin trong thử nghiệm *in vitro*. Điều này có ý nghĩa lâm sàng quan trọng, vì vậy không nên dùng chung với thuốc này.

Hỗn hợp Kaolin-pectin ức chế sự hấp thu Lincomycin bằng đường uống.

Thức ăn và natri cyclamat (chất làm ngọt): Làm giảm mạnh sự hấp thu Lincomycin (tới mức 2/3).

SỬ DỤNG THUỐC Ở PHỤ NỮ MANG THAI

Chưa có thử nghiệm đầy đủ ở phụ nữ mang thai, nhưng những nghiên cứu ở động vật cho thấy thuốc có gây hại đến bào thai. Vì vậy phải thận trọng, chỉ dùng thuốc khi lợi ích mang lại vượt trội nguy cơ có thể xảy ra cho bào thai.

SỬ DỤNG THUỐC Ở PHỤ NỮ CHO CON BÚ

Lincomycin được bài tiết qua sữa mẹ ở nồng độ 0,5 – 2,4 mcg/ ml. Điều này có thể gây hại đến trẻ bú sữa mẹ. Do đó cần tính đến tầm quan trọng của thuốc đối với người mẹ mà quyết định nên ngưng cho con bú hay ngưng dùng thuốc.

SỬ DỤNG THUỐC TRONG NHI KHOA

Tính an toàn và hiệu lực của thuốc trên trẻ em dưới 1 tháng tuổi chưa được xác định.

THẬN TRỌNG KHI DÙNG

Loét thực quản có thể xảy ra khi viên nang **KUPLINKO** bị nghiền ở thực quản, nhưng rất hiếm.

Nên dùng thuốc với sữa hoặc nước. Phải thận trọng khi dùng thuốc trước khi đi ngủ.
Trong trường hợp có mủ, cần phải mở để lấy mủ ra kết hợp với việc sử dụng kháng sinh.

SỬ DỤNG TRONG KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Một trong những tác dụng không mong muốn của Lincomycin là đôi khi có thể gây ù tai, chóng mặt, do đó cần sử dụng thận trọng khi lái xe và vận hành máy móc.

ĐÓNG GÓI

12 Viên nang cứng/ Vi x 10 Vi/ Hộp.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng ghi trên hộp.

BẢO QUẢN

Bảo quản ở nhiệt độ phòng không quá 30°C.

TIÊU CHUẨN

USP 39.

Để xa tầm tay của trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Sản xuất tại

KOREA UNITED PHARM. INT'L JSC

Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore,

Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.

Phó Tổng Giám Đốc
cơ sở sản xuất và đăng ký thuốc



Kwon, Young Sam
Deputy General Director

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO BỆNH NHÂN

KUPLINKO - Viên nang cứng

Lincomycin hydroclorid tương đương 500 mg Lincomycin



Để xa tầm tay của trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thuốc này chỉ được dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang cứng chứa:

Lincomycin hydroclorid.H₂O 567,06 mg

(Tương đương Lincomycin 500 mg)

Tá dược: Lactose monohydrat, Magnesi stearat.

MÔ TẢ

Viên nang cứng số 00, có nắp nang màu xanh dương và thân nang màu xanh dương nhạt, chứa bột kết tinh màu trắng.

ĐÓNG GÓI

12 Viên nang cứng/ Vi x 10 Vi/ Hộp.

THUỐC DÙNG CHO BỆNH GÌ?

KUPLINKO có chứa hoạt chất Lincomycin hydroclorid, là kháng sinh thuộc Lincosamid. KUPLINKO được chỉ định trong các trường hợp:

- Nhiễm khuẩn nặng do các vi khuẩn nhạy cảm, đặc biệt *Staphylococcus*, *Streptococcus*, *Pneumococcus* ở người bệnh có dị ứng với penicilin như áp xe gan; nhiễm khuẩn xương do *Staphylococcus*; nhiễm khuẩn phụ khoa như nhiễm khuẩn ở âm đạo, viêm màng trong tử cung, viêm vùng chậu; viêm màng bụng thứ phát; áp xe phổi; nhiễm khuẩn huyết; mụn nhọt biến chứng và loét do nhiễm khuẩn kỵ khí.
- Nhiễm khuẩn do các khuẩn kháng penicilin.
- Nhiễm khuẩn ở các vị trí thuốc khác khó tới như viêm cột tủy cấp tính và mạn tính, các nhiễm khuẩn do *Bacteroides* spp.

NÊN DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO VÀ LIỀU LƯỢNG

Uống thuốc theo đúng hướng dẫn của bác sĩ.

Uống xa bữa ăn, ít nhất 1 giờ trước khi ăn.

Người lớn: 500 mg/ lần, ngày 3 lần (500 mg uống cách nhau 8 giờ).

Trẻ em trên 12 tuổi (> 30 kg thể trọng): 500 mg/ lần, ngày 2 - 3 lần.

Trong trường hợp nhiễm trùng do tụ cầu gây tán huyết β nên tiếp tục điều trị thêm ít nhất 10 ngày để hạn chế khả năng có thể xảy ra sốt do thấp khớp hoặc viêm tiểu cầu thận.

Với người suy thận nặng, liều dùng thích hợp bằng 25 - 30% liều bình thường.

KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY?

Không uống KUPLINKO nếu:

- Bệnh nhân mẫn cảm với Lincomycin hoặc Clindamycin.
- Bệnh nhân viêm kết tràng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Giống như tất cả các loại thuốc khác, KUPLINKO có thể gây ra các tác dụng không mong muốn, mặc dù không phải đều xảy ra ở tất cả mọi bệnh nhân.

Ngưng dùng thuốc và thông báo cho bác sĩ nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng không mong muốn nào sau đây:

Sốt: Hiếm khi xảy ra, vì vậy nên theo dõi cẩn thận. Nếu có bất kỳ triệu chứng nào xảy ra như chứng xanh tím, khó thở, hạ huyết áp, phải ngưng dùng thuốc và/hoặc có liệu pháp điều trị thích hợp.

Phản ứng quá mẫn: Phát ban ở da, phù nề loạn thần kinh mạch, bệnh huyết thanh và quá mẫn đã được ghi nhận. Nếu có phản ứng dị ứng với **KUPLINKO**, phải ngưng dùng thuốc. Nếu xảy ra mẫn cảm cấp tính phải điều trị bằng Epinephrin và các biện pháp cấp cứu khác kể cả oxy, truyền dịch, tiêm tĩnh mạch thuốc kháng Histamin, Corticosteroid, Amin làm tăng áp lực máu, và thông khí.

Da và màng nhầy: Ngứa, hiếm khi bị ban đỏ đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson kết hợp với nổi mề đay và viêm âm đạo, hiếm khi bị tróc (da) và viêm da.

Máu: Giảm bạch cầu trung tính, giảm bạch cầu, mất bạch cầu hạt, ban xuất huyết do giảm tiểu cầu. Hiếm khi xảy ra thiếu máu bất sản và giảm toàn thể huyết cầu, trong trường hợp này không thể loại trừ nguyên nhân gây bệnh.

Dạ dày ruột: Viêm lưỡi, viêm miệng, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, viêm kết tràng liên quan đến kháng sinh.

Gan: Mặc dù mối liên hệ giữa **KUPLINKO** và những bất thường ở gan chưa được thiết lập nhưng chứng vàng da và những bất thường về chức năng gan trong xét nghiệm phải được theo dõi (đặc biệt là sự gia tăng của men transaminase huyết thanh).

Thận: Mặc dù chưa xác định mối liên hệ trực tiếp giữa Lincomycin và suy thận, nhưng hiếm khi có những biểu hiện suy thận như nitơ-huyết, giảm niệu và protein niệu.

Giác quan đặc biệt: Đôi khi ù tai và chóng mặt.

Tác động ngoại ý khác: Đôi khi phù ở mắt, hiếm khi bị khó chịu và sốt.

Thông báo cho bác sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải trong sử dụng thuốc.

NÊN TRÁNH DÙNG NHỮNG THUỐC VÀ THỰC PHẨM GÌ KHI ĐANG SỬ DỤNG THUỐC NÀY?

Thông báo với bác sĩ hoặc dược sĩ về các loại thuốc khác bạn đang hoặc có thể sẽ sử dụng, bao gồm các thuốc không kê đơn và các sản phẩm thảo dược. Hãy cho bác sĩ của bạn biết nếu bạn đang dùng các loại thuốc sau đây:

- Các thuốc chẹn thần kinh cơ (như Colistin, Streptomycin, Dehydrostreptomycin, Neomycin, Polymyxin B, Kanamycin, Viomycin)
- Erythromycin
- Hỗn hợp Kaolin-pectin
- Thức ăn và natri cyclamat (chất làm ngọt)

Nếu bạn đang dùng bất cứ thuốc nào kể trên, hoặc bạn không chắc chắn về những thuốc mình đang sử dụng, hãy thông báo với bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn trước khi điều trị bằng KUPLINKO.

CẦN LÀM GÌ KHI MỘT LẦN QUÊN KHÔNG DÙNG THUỐC?

Nếu bạn quên dùng thuốc, uống một liều ngay khi nhớ ra và uống liều tiếp theo vào đúng thời gian quy định. Không uống gấp đôi liều để bù lại liều đã quên.

CẦN BẢO QUẢN THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO?

Bảo quản ở nhiệt độ phòng không quá 30°C.

NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU

Sử dụng quá liều Lincomycin làm gia tăng các tác dụng không mong muốn của thuốc mà bạn có thể gặp phải.

CẦN PHẢI LÀM GÌ KHI DÙNG QUÁ LIỀU KHUYẾN CÁO?

Nếu uống quá liều KUPLINKO, thông báo ngay cho bác sĩ của bạn hoặc đến ngay phòng cấp cứu của bệnh viện gần nhất để được điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

NHỮNG ĐIỀU CẦN THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC NÀY

Trước khi dùng thuốc này, hãy thông báo cho bác sĩ danh sách hiện tại những loại thuốc, sản phẩm không kê đơn (ví dụ: vitamin, thảo dược bổ sung, v.v...), dị ứng, những bệnh đang mắc, và tình trạng sức khỏe hiện tại (ví dụ: mang thai, sắp mổ, v.v...). Một vài tình trạng sức khỏe có thể khiến bạn dễ gặp tác dụng không mong muốn của thuốc hơn. Dùng thuốc như chỉ dẫn của bác sĩ hoặc theo hướng dẫn được in ra đi kèm sản phẩm. Liều lượng phụ thuộc vào tình trạng của bạn. Hãy nói với bác sĩ nếu tình trạng của bạn duy trì hay xấu đi. Một số điểm quan trọng cần tư vấn được liệt kê dưới đây:

- Tiêu chảy ra máu
- Mang thai, dự định có thai hoặc cho con bú
- Người già và trẻ em
- Đã hoặc có bệnh hen suyễn, các vấn đề tiêu hóa, gan hoặc bệnh thận

KHI NÀO CẦN THAM VẤN BÁC SĨ, DƯỢC SĨ?

Trước khi sử dụng thuốc này, hãy báo với bác sĩ và dược sĩ của bạn nếu:

- Bệnh nhân cao tuổi.
- Bệnh nhân có tiền sử viêm kết tràng.
- Bệnh nhân có tiền sử rối loạn chức năng gan.
- Bệnh nhân có tiền sử suy thận.
- Bệnh nhân có tiền sử bệnh suyễn hoặc dị ứng nặng.
- Bệnh nhân có tiền sử nhiễm khuẩn do monilial (candida) cần điều trị với thuốc, phải dùng đồng thời với thuốc kháng monilial.
- Bệnh nhân rối loạn vận động thực quản.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng ghi trên hộp.

Sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN KOREA UNITED PHARM. INT'L

Số 2A, Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.

Phó Tổng Giám Đốc
cơ sở sản xuất và đăng ký thuốc

Kwon, Young Sam
Deputy General Director



TUO CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Thu Thủy